TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 10/2024/HNGĐ-PT
Ngày 29/02/2024
V/v "Chia tài sản sau khi ly hôn"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Thu Thúy, ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc "*Chia tài sản sau khi ly hôn*".

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2023/HNGĐ-ST ngày 27/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2024/QĐ-PT ngày 08/01/2024; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2024/TB-TA ngày 05/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Đình Đ - sinh năm 1955. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Là người giám hộ cho bà Vũ Thị B - sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức K - sinh năm 1973. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B: Bà Nguyễn Thị S - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. Có mặt.

3. ***Người kháng cáo***: Ông Nguyễn Đức K (bị đơn). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn ông Vũ Đình Đ ***trình bày***:

Bà Vũ Thị B kết hôn với ông Nguyễn Đức K năm 1994, tuy nhiên đến nay không còn lưu giữ được giấy đăng ký kết hôn. Tại bản án số 13/2021/HNGĐ-ST ngày 03/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đã xét xử và quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà B và ông K; quan hệ tài sản chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2021/QĐST-VDS ngày 18/10/2021, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc tuyên bố bà Vũ Thị B mất năng lực hành vi dân sự và xác định chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 25/8/2003 là người giám hộ đương nhiên cho bà Vũ Thị B. Tuy nhiên, chị H đã bỏ mặc không quan tâm chăm sóc và có đơn từ chối giám hộ cho bà B. Biên bản hòa giải ngày 15/6/2022 tại thôn, chị H không đồng ý giám hộ cho bà B với lý do còn nhỏ, còn phải đi làm, không thể chăm sóc cho bà B. Do đó các anh, chị em bà B đã ủy quyền cho ông Vũ Đình Đ đại diện, giám hộ cho bà B. Ông Đ đã đăng ký thủ tục giám hộ cho bà B và được UBND xã T vào sổ đăng ký giám hộ xác định ông là người đại diện, giám hộ cho bà Vũ Thị B theo đúng quy định của pháp luật.

Ông Vũ Đình Đ xác định trong quá trình chung sống, bà B và ông K đã kiến thiết, xây dựng được các tài sản chung gồm: 01 Nhà mái bằng 02 tầng; 01 Nhà mái bằng 01 tầng xây dựng năm 2007; 01 nhà gạch mái bloximăng xây dựng năm 2007; 01 Lán bloximăng, kết cấu tre làm năm 2007 và 01 Sân bê tông gạch vỡ láng xi măng và một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Tất cả các tài sản này được xây dựng trên đất của bố mẹ ông K, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại bố mẹ ông K đã chết. Ông Đ xác định đất là tài sản của bố mẹ ông K không phải là tài sản chung của bà B và ông K nên chỉ yêu cầu giải quyết đối với tài sản trên đất là tài sản chung của ông K và bà B. Đối với các tài sản gồm cây cối trên đất, các đoạn tường trước nhà mới xây sau khi ly hôn, các đoạn tường bên cạnh nhà và sau nhà xây dựng đã lâu không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi chia tài sản chung của bà B và ông K, ông Đ đề nghị chia đôi và đề nghị ông K có trách nhiệm trả bằng giá trị (trả bằng tiền) cho bà B.

Đối với kết quả định giá tài sản ông đồng ý và không có ý kiến gì. Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản ông tự nguyện chịu cả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc chỉ làm việc được với ông Nguyễn Đức K ***vào ngày 09/3/2023 trong biên bản lấy lời khai ông*** K ***có quan điểm:***

Ông xác định quá trình chung sống ông và bà B đã xây dựng được 01 ngôi nhà 02 tầng, công trình phụ khép kín (xây dựng năm 2001) trên đất của bố mẹ ông,

đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại bố mẹ ông đã chết. Nay ông đồng ý chia tài sản chung là nhà 02 tầng mỗi người được 1/2 ông xin nhận bằng hiện vật là ngôi nhà và trả cho bà B bằng tiền.

Sau đó ông K không hợp tác với Tòa án, thường xuyên khóa cổng, không hợp tác để xem xét thẩm định và định giá tài sản và không có mặt tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc cũng đã tiến hành triệu tập chị Nguyễn Thị H nhiều lần nhưng chị H không có mặt, không hợp tác làm việc với Tòa án.

Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đã thực hiện việc tống đạt qua chính quyền địa phương và tiến hành niêm yết đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Qua biên bản xác minh với chính quyền địa phương đại diện thôn Đ, thôn Đ, Hội liên hiệp phụ nữ xã T, đại diện UBND xã T đều xác định: Trong quá trình chung sống ông K và bà B có các tái sản chung gồm: 01 Nhà mái bằng 02 tầng; 01 Nhà mái bằng 01 tầng xây dựng năm 2007; 01 nhà gạch mái bloximăng xây dựng năm 2007; 01 Lán bloximăng, kết cấu tre làm năm 2007 và 01 Sân bê tông gạch vỡ láng xi măng. Còn quyền sử dụng đất là của mẹ đẻ ông K cụ Nguyễn Thị N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký bản đồ 299, sổ mục kê thửa 451, tờ bản đồ số 08 xã T diện tích 379m^2 (loại đất thổ cư) mang tên cụ N, tại bản đồ năm 1993 thửa 523 diện tích 400m^2; thửa 524 diện tích 20m^2 mang tên cụ N. Về yêu cầu chia tài sản của ông Đ, UBND xã T đề nghị chia đôi các tài sản trên và đề nghị Tòa án buộc ông K phải trả bằng giá trị tài sản chung (bằng tiền) cho bà B.

Đối với việc giám hộ của chị H và ông Đ, UBND xã có quan điểm: Tại quyết định giải quyết việc dân sự 02/2021/QĐST-VDS ngày 18/10/2020, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đã tuyên bố bà Vũ Thị B mất năng lực hành vi dân sự; Tại bản án số 13/2021/HNGĐ-ST ngày 03/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông K và bà Vũ Thị B. Trong quyết và bản án đều xác định chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 25/8/2003 là người giám hộ đương nhiên cho bà B. Tuy nhiên chị H không thực hiện việc giám hộ cho bà B, không quan tâm, chăm sóc bà B, từ chối giám hộ, bệnh tình của bà B tái phát cần có người chăm sóc, bảo vệ nên ông Vũ Đình Đ đã được anh em bà B ủy quyền đại diện, giám hộ cho bà B. UBND xã, đại diện thôn đã tổ chức hòa giải tại buổi hòa giải chị H có quan điểm không thể giám hộ cho bà B đồng thời chị H cũng có đơn từ chối giám hộ cho bà B. Vì vậy UBND xã đã đăng ký giám hộ cho ông Đ là người giám hộ cho bà B là đúng quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản gồm:

- 01 nhà mái bằng 02 tầng xây gạch chịu lực, tường 220, xây tầng 1 năm 2001 và tầng 02 năm 2007. Có tổng giá trị là 60.595.000đ.

- Nhà mái bằng 01 tầng xây dựng năm 2007, tường 220 giáp cạnh nhà 02 tầng có giá trị 24.914.000đ.

- 01 nhà gạch mái bloximăng xây dựng năm 2007 có giá trị 15.597.000đ.

- 01 Lán bloximăng, kết cấu tre làm năm 2007 có giá trị 324.000đ.

- 01 Sân bê tông gạch vỡ láng xi măng có giá trị 634.000đ.

- Quyền sử dụng đất.

Tổng giá trị tài sản là: **102.064.000đ** (Một trăm linh hai triệu không trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2023/HNGĐ-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đã Quyết định:

Căn cứ các Điều 14, 16 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 14, Điều 16 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 214, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 57, Điều 60, Điều 61,Điều 207, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử: Chấp nhận yêu cầu chia tài chung của ông Vũ Đình Đ là người giám hộ cho bà Vũ Thị B.

+ Xác định tài sản chung của bà Vũ Thị B và ông Nguyễn Đức K gồm:

01 nhà mái bằng 02 tầng xây gạch chịu lực, tường 220, xây tầng 1 năm 2001 và tầng 02 năm 2007; Nhà mái bằng 01 tầng xây dựng năm 2007, tường 220 giáp cạnh nhà 02 tầng; 01 nhà gạch mái bloximăng xây dựng năm 2007; 01 Lán bloximăng, kết cấu tre làm năm 2007; 01 Sân bê tông gạch vỡ láng xi măng.

Tổng giá trị tài sản là: **102.064.000đ** (Một trăm linh hai triệu không trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Toàn bộ tài sản được xây dựng trên quyền sử dụng đất của mẹ đẻ ông K cụ Nguyễn Thị N, thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận, chưa chuyển nhượng cho các con. Hiện tại cụ N đã chết.

Giao cho ông Nguyễn Đức K quản lý, sử dụng tài sản gồm: 01 Nhà mái bằng 02 tầng; 01 Nhà mái bằng 01 tầng xây dựng năm 2007; 01 nhà gạch mái bloximăng xây dựng năm 2007; 01 Lán bloximăng, kết cấu tre làm năm 2007 và 01 Sân bê tông gạch vỡ láng xi măng. Ông Nguyễn Đức K có trách nhiệm trả tiền chênh lệch 1/2 giá trị tài sản chung cho bà Vũ Thị B (giao cho ông Vũ Đình Đ là người giám

hộ cho bà B nhận thay) = **51.032.000đ (năm mươi mốt triệu, không trăm ba hai nghìn đồng).**

+ Xác định quyền giám hộ của chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 25/8/2003, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương đối với bà Vũ Thị B chưa phát sinh hiệu lực. Công Nhận ông Vũ Đình Đ là người giám hộ đương nhiên cho bà Vũ Thị B, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương cho đến khi có sự thay đổi/ chấm dứt việc giám hộ theo quy định của pháp luật (theo đăng ký giám hộ của UBND xã T). Ông Vũ Đình Đ thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại các Điều 57, 58 và 59 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án; án phí, và quyền kháng cáo, quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2023, ông Nguyễn Đức K kháng cáo bản án và cho rằng Hội đồng định giá tài sản quá cao so với giá trị thực tế; nhà gạch mái proximang và lán proximang kết cấu tre là tài sản riêng của ông làm năm 2022 không liên quan đến bà B.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Đức K bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị HĐXX xác định ngôi nhà hai tầng là của mẹ ông làm khi còn khỏe, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Người giám hộ cho bà B là ông Vũ Đình Đ không nhất trí xác định ngôi nhà hai tầng là của mẹ ông K làm; nhất trí xác định nhà gạch mái proximang và lán proximang kết cấu tre là tài sản riêng của ông K do ông K làm năm 2022, sau khi đã ly hôn với bà B nên không liên quan đến bà B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B trình bày: Nhất trí quan điểm của ông Đ xác định nhà mái bằng hai tầng, nhà mái bằng một tầng xây năm 2007 và sân bê tông láng vữa xi măng là tài sản chung của vợ chồng. Đề nghị Tòa án chia đôi và chia cho bà B bằng tiền để bà có tiền chữa bệnh. Nhất trí xác định nhà gạch mái P, lán Proximang kết cầu tre là tài sản riêng của ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX phúc thẩm: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Đức K. Sửa bản án sơ thẩm số 31/2023/HNGĐ-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Ông K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, nghe ý kiến trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Đức K kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo, HĐXX xét thấy:

[2.1]. Đối với nội dung kháng cáo đề nghị xác định nhà gạch mái lợp proximang và lán mái proximang kết cấu tre là tài sản riêng của ông K làm năm 2022 không liên quan đến bà B. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo ông Nguyễn Đức K trình bày, ngày 03/12/2021 ông và bà Vũ Thị B được Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xử không công nhận quan hệ vợ chồng. Năm 2022 ông trực tiếp và cùng với người nhà hỗ trợ đã xây dựng được ngôi nhà gạch mái proximang và lán proximang kết cấu tre để sử dụng và cung cấp các hóa đơn mua nguyên vật liệu để chứng minh. Ông Vũ Đình Đ cũng xác nhận khi chưa ly hôn, bà B lên cơn động kinh đã phá hết khu chăn nuôi phía sau nhà và chỉ còn lại là mặt bằng và tường bao cũ. Sau khi ly hôn ông Nguyễn Đức K đã xây lại ngôi nhà gạch mái proximang và làm lán proximang kết cấu tre để sử dụng. Ông xác định những tài sản này không phải là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản riêng của ông K, ông nhất trí quan điểm của ông K đề nghị Tòa án xác định phần tài sản đó là tài sản riêng của ông K và giao cho ông K được quản lý sử dụng. Do vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận nội dung kháng cáo của ông K, sửa bản án sơ thẩm và xác định tài sản chung của ông K và bà B gồm:

+ 01 nhà mái bằng 02 tầng xây gạch chịu lực, tường 220, xây tầng 1 năm 2001 và tầng 02 năm 2007. Có tổng giá trị là 60.595.000đ.

+ Nhà mái bằng 01 tầng xây dựng năm 2007, tường 220 giáp cạnh nhà 02 tầng có giá trị 24.914.000đ.

+ 01 Sân bê tông gạch vỡ láng xi măng có giá trị 634.000đ.

Tổng giá trị tài sản chung là: **86.143.000đ** (Tám mươi sáu triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Xác định 01 nhà gạch mái bloximăng xây dựng năm 2007 có giá trị 15.597.000đ; 01 Lán bloximăng, kết cấu tre làm năm 2007 có giá trị 324.000đ. Tổng giá trị tài sản là: **15.597.000đ** (Mười lăm triệu năm trăm chín mươi bẩy nghìn đồng) là tài sản riêng của ông Nguyễn Đức K.

[2.2]. Đối với nội dung ông Nguyễn Đức K kháng cáo bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử xác định ngôi nhà hai tầng là của mẹ ông làm khi còn khỏe, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2023 ông K xác định trong quá trình chung sống ông và bà B đã xây dựng được 01 ngôi nhà kiên cố 02 tầng và công trình phụ khép kín (xây dựng năm 2001) trên đất của bố mẹ, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại bố mẹ ông đã chết. Ông đồng ý chia tài sản chung là nhà 02 tầng mỗi người được 1/2 ông xin nhận bằng hiện vật là ngôi nhà và trả cho bà B bằng tiền. Tại đơn kháng cáo ngày 09/10/2023, ông K cũng xác định nhà mái bằng một tầng, nhà mái bằng 2 tầng, sân trạt là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên tại đơn kháng cáo bổ sung ông K lại cho rằng mẹ ông là người đứng lên làm ngôi nhà vào năm 2001 bằng nguồn tiền của mẹ ông. Như vậy, lời khai của ông không thống nhất và ông không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Hơn nữa mẹ ông sinh năm 1925, thời điểm làm nhà năm 2001 bà đã 76 tuổi. Do vậy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông K.

[2.3]. Đối với nội dung kháng cáo cho rằng Hội đồng định giá tài sản quá cao so với giá trị thực tế. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã cùng với chính quyền địa phương giao cho ông K Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ; Quyết định định giá tài sản và Quyết định thành lập Hội đồng định giá đầy đủ đồng thời đã niêm yết công khai các quyết định đó. Tuy nhiên tại các buổi xem xét, thẩm định và định giá ông K đều vắng mặt. Tòa án tiếp tục giao cho ông Thông báo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ; Kết quả định giá tài sản và niêm yết công khai nhưng ông không có ý kiến thắc mắc gì. Bên cạnh đó Hội đồng định giá đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đưa ra giá phù hợp với tính chất, mức độ của tài sản. Ông K kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông K.

[4] Từ phân tích trên, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Đức K. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2023/HNGĐ-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do sửa lại bản án sơ thẩm nên cần tính lại án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự cho phù hợp.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông K được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Đức K. Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2023/HNGĐ-ST ngày 27/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương về quan hệ chia tài sản sau khi ly hôn.

Căn cứ các Điều 14, 16 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 14, Điều 16 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 214, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 57, Điều 60, Điều 61,Điều 207, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Xác định tài sản chung của bà Vũ Thị B và ông Nguyễn Đức K gồm:

01 nhà mái bằng 02 tầng xây gạch chịu lực, tường 220, xây tầng 1 năm 2001 và tầng 02 năm 2007. Có tổng giá trị là 60.595.000đ.

01 Nhà mái bằng 01 tầng xây dựng năm 2007, tường 220 giáp cạnh nhà 02 tầng có giá trị 24.914.000đ.

01 Sân bê tông gạch vỡ láng xi măng có giá trị 634.000đ.

Tổng giá trị tài sản chung là: **86.143.000đ** (Tám mươi sáu triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

+ Xác định tài sản riêng của ông Nguyễn Đức K gồm: 01 nhà gạch mái bloximăng xây dựng năm 2007 có giá trị 15.597.000đ; 01 Lán bloximăng, kết cấu tre làm năm 2007 có giá trị 324.000đ. Tổng giá trị tài sản là: **15.597.000đ** (Mười lăm triệu năm trăm chín mươi bẩy nghìn đồng).

Toàn bộ tài sản được xây dựng trên quyền sử dụng đất của mẹ đẻ ông K cụ Nguyễn Thị N, thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận, chưa chuyển nhượng cho các con. Hiện tại cụ N đã chết.

Giao cho ông Nguyễn Đức K quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung và tài sản riêng gồm: 01 Nhà mái bằng 02 tầng; 01 Nhà mái bằng 01 tầng xây dựng năm

2007; 01 nhà gạch mái bloximăng xây dựng năm 2007; 01 Lán bloximăng, kết cấu tre làm năm 2007 và 01 Sân bê tông gạch vỡ láng xi măng.

Ông Nguyễn Đức K có trách nhiệm trả tiền chênh lệch 1/2 giá trị tài sản chung cho bà Vũ Thị B (giao cho ông Vũ Đình Đ là người giám hộ cho bà B nhận thay) là **86.143.000**/2 = **43.071.500đ** (Bốn mươi ba triệu, không trăm bẩy mươi mốt nghìn năm trăm đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 *công bố tương tứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán*.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Vũ Thị B và ông Vũ Đình Đ được miễn án phí chia tài sản; ông Nguyễn Đức K phải chịu 2.153.575đ (Hai triệu một trăm lăm mươi ba nghìn năm trăm bẩy mươi lăm đồng) tiền án phí chia tài sản chung.

- Về án phí phúc thẩm. Ông Nguyễn Đức K không phải chịu án phí Hôn nhân phúc thẩm. Trả lại ông Nguyễn Đức K 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm (về Hôn nhân và gia đình) mà ông đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002211 ngày 13/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND và Chi cục T.H.A DS huyện Gia Lộc; tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án,
Lưu Tòa GĐ&NCTN, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Trường